



VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) - MINISTRY OF CONSTRUCTION (MOC)
CENTRE FOR ORGANIC MATERIALS & CONSTRUCTION CHEMICALS (COMCC)
Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 024.38582912; Fax: 024.38581112; Website: http://vibm.vn; E-mail: trungtam.vlhc@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số (No): 4163/VLXD-VLHC

- Cơ quan gửi mẫu (Client): CÔNG TY CỔ PHẦN LUDA
- Địa chỉ (Address): Đội 14, thôn Đào Đặng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
- Tên mẫu (Sample name): Tấm nhôm tổ ong LUDA chất liệu SPC
- Số phiếu (No.): 4164/ KHTN
- Ngày nhận mẫu (Date of received): 31/10/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST RESULT)

STT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Unit)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test methods)
1	Độ bền kéo (Tensile strength)	MPa	14,0	ISO 527-1
2	Độ giãn dài khi đứt (Elongation at break)	%	2,9	
3	Độ bền uốn (Bending strength)	MPa	11,8	ISO 16978
4	Mô đun đàn hồi uốn (Modulus of elasticity in bending)	MPa	4459,9	
5	Độ bền nén (Compressive strength)	MPa	0,60	Dựa theo ISO 604
6	Độ bền mài mòn (Resistance to wear)	g	0,028	ISO 9352 (CS 10, 1000 vòng)
7	Độ hấp thụ nước (Water absorption)	%	0,13	ISO 62
8	Thay đổi tính chất sau khi ngâm 24 giờ trong dung dịch NaOH 10% (Change in properties after 24h immersive in NaOH 10 %)			ISO 175
	+ Thay đổi về khối lượng (Change in mass)	%	0,15	
	+ Độ bền kéo (Tensile strength)	MPa	14,5	
9	Độ cứng shore D (Shore D hardness)	—	78	ISO 868
10	Độ bền va đập bi lớn (Impact resistance by large diameter balls)	mm	1250	ISO 24335
11	Độ bền va đập Izod (Izod impact strength)	kJ/m ²	23,8	ISO 180
12	Thay đổi kích thước sau khi gia nhiệt (Dimensional change on heating)			ISO 11501 (100°C, 30 phút)
	+ Phương dọc tấm (Longitudinal direction)	%	-1,1	
	+ Phương ngang tấm (Transverse direction)	%	+0,2	

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2025



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Huỳnh

Cán bộ thử nghiệm (Test by): Thắng, An,.....
PTN LAS-XD 24.061 – TT. VLHC & HPXD
LAS-XD 24.061 - COMCC

Trịnh Thị Hằng

Ghi chú (Note):

- Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thử theo yêu cầu của khách hàng. (Characteristics and methods were tested according to client's request).
- Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. (Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported client's request).
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. (This test report not be reproduced, except in full).